

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2023

Căn cứ Quyết định số 3653/QĐ-BVHTTDL ngày 01/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Văn hoá Hà Nội;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/06/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Trường Đại học Văn hoá Hà Nội thông báo tổ hợp xét tuyển, dự kiến chỉ tiêu và phương thức xét tuyển đại học hệ chính quy năm 2023 như sau:

A. THÔNG TIN CHUNG

1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương).
2. Phạm vi tuyển sinh: Toàn quốc
3. Chỉ tiêu dự kiến:

TT	Mã ngành/ CN	Mã PTXT	Ngành/chuyên ngành học	Chỉ tiêu (dự kiến)	
				Tổng	PTXT: 406, 500
1.	7220201	100, 500	Ngôn ngữ Anh	80	25
2.	7810103	100, 500	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	180	60
3.	7380101	100, 500	Luật	65	20
4.	7320101	100, 500	Báo chí	80	25
5.	7320402	100, 500	Kinh doanh xuất bản phẩm	70	20
6.	7320201	100, 500	Thông tin- Thư viện	45	15
7.	7320305	100, 500	Quản lý thông tin	55	20
8.	7320305	100, 500	Bảo tàng học	40	15
9	7229040		Văn hoá học		
9.1	7229040A	100, 500	Nghiên cứu văn hóa	40	10
9.2	7229040B	100, 500	Văn hóa truyền thông	70	20
9.3	7229040C	100, 500	Văn hóa đối ngoại	40	10
10	7220112		Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam		
10.1	7220112A	100, 500	Tổ chức và quản lý văn hóa vùng DTTS	30	15
10.2	7220112B	100, 500	Tổ chức và quản lý du lịch vùng DTTS	35	15
11	7229042		Quản lý văn hoá		
11.1	7229042A	100, 500	Chính sách văn hóa và quản lý nghệ thuật	170	50
11.2	7229042C	100, 500	Quản lý di sản văn hóa	50	15
11.3	7229042D	406	Biểu diễn nghệ thuật	35	35
11.4	7229042E	100, 500, 406	Tổ chức sự kiện văn hóa	60	15
12	7810101		Du lịch		
12.1	7810101A	100, 500	Văn hóa du lịch	170	60
12.2	7810101B	100, 500	Lữ hành, hướng dẫn du lịch	110	35

$$\text{ĐXT} = \text{Điểm môn 1} + \text{Điểm môn 2} + \text{Điểm môn 3} + \text{ĐUT (nếu có)}$$

- Điểm môn 1 = ĐTB 03 năm THPT Môn 1
- Điểm môn 2 = ĐTB 03 năm THPT Môn 2
- Điểm môn 3 = ĐTB 03 năm THPT Môn 3

Trong đó, ĐXT: Điểm xét tuyển; ĐTB: Điểm trung bình, ĐUT: Điểm ưu tiên (nếu có) được quy định tại mục 2.3.2; Điểm 03 môn tính theo các tổ hợp xét tuyển do thí sinh đăng ký và lấy đến 2 chữ số thập phân để xét tuyển.

1.3.2. Quy định điểm ưu tiên

1.3.2.1. Đối tượng ưu tiên tuyển sinh, khu vực tuyển sinh.

Thí sinh được hưởng ưu tiên theo chính sách ưu tiên trong tuyển sinh được Quy định tại Điều 7 - Quy chế tuyển sinh đại học chính quy năm 2023.

1.3.2.2. Đối tượng ưu tiên đối với phương thức xét học bạ THPT

Bảng quy đổi điểm ưu tiên đối với từng đối tượng cụ thể:

Đối tượng	Điều kiện	Điểm ưu tiên quy đổi
Đối tượng 01: Thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia (<i>Giải khuyến khích trở lên</i>) với điều kiện môn đạt giải có trong tổ hợp xét tuyển và Chứng nhận đạt giải còn trong thời hạn 03 năm kể từ ngày cấp.	Giải nhất	10.00
	Giải nhì	9.00
	Giải ba	8.00
	Giải khuyến khích	7.00
Đối tượng 02: Thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.0 trở lên hoặc tương đương (<i>Cụ thể: TOEFL ITP từ 513 trở lên, TOEFL IBT từ 65 trở lên</i>) và Chứng chỉ còn trong thời hạn 02 năm kể từ ngày dự thi.	IELTS: 8.0 - 9.0 TOEFL ITP: 650 - 677 TOEFL IBT: 110 - 120	10.00
	IELTS: 7.5 TOEFL ITP: 610 - 649 TOEFL IBT: 102 - 109	9.00
	IELTS: 7.0 TOEFL ITP: 590 - 607 TOEFL IBT: 94 - 101	8.00
	IELTS: 6.5 TOEFL ITP: 571 - 589 TOEFL IBT: 79 - 93	7.00
	IELTS: 6.0 TOEFL ITP: 550 - 568 TOEFL IBT: 60 - 78	6.00
	IELTS: 5.5 TOEFL ITP: 500 - 549 TOEFL IBT: 46 - 59	5.00
	IELTS: 5.0 TOEFL ITP: 477 - 499 TOEFL IBT: 35 - 45	4.00

ĐXT = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + ĐUT (nếu có)

- Điểm môn 1 = ĐTB 03 năm THPT Môn 1
- Điểm môn 2 = ĐTB 03 năm THPT Môn 2
- Điểm môn 3 = ĐTB 03 năm THPT Môn 3

Trong đó, ĐXT: Điểm xét tuyển; ĐTB: Điểm trung bình, ĐUT: Điểm ưu tiên (nếu có) được quy định tại mục 2.3.2; Điểm 03 môn tính theo các tổ hợp xét tuyển do thí sinh đăng ký và lấy đến 2 chữ số thập phân để xét tuyển.

1.3.2. Quy định điểm ưu tiên

1.3.2.1. Đối tượng ưu tiên tuyển sinh, khu vực tuyển sinh.

Thí sinh được hưởng ưu tiên theo chính sách ưu tiên trong tuyển sinh được Quy định tại Điều 7 - Quy chế tuyển sinh đại học chính quy năm 2023.

1.3.2.2. Đối tượng ưu tiên đối với phương thức xét học bạ THPT

Bảng quy đổi điểm ưu tiên đối với từng đối tượng cụ thể:

Đối tượng	Điều kiện	Điểm ưu tiên quy đổi
Đối tượng 01: Thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia (<i>Giải khuyến khích trở lên</i>) với điều kiện môn đạt giải có trong tổ hợp xét tuyển và Chứng nhận đạt giải còn trong thời hạn 03 năm kể từ ngày cấp.	Giải nhất	10.00
	Giải nhì	9.00
	Giải ba	8.00
	Giải khuyến khích	7.00
Đối tượng 02: Thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.0 trở lên hoặc tương đương (<i>Cụ thể: TOEFL ITP từ 513 trở lên, TOEFL IBT từ 65 trở lên</i>) và Chứng chỉ còn trong thời hạn 02 năm kể từ ngày dự thi.	IELTS: 8.0 - 9.0 TOEFL ITP: 650 - 677 TOEFL IBT: 110 - 120	10.00
	IELTS: 7.5 TOEFL ITP: 610 - 649 TOEFL IBT: 102 - 109	9.00
	IELTS: 7.0 TOEFL ITP: 590 - 607 TOEFL IBT: 94 - 101	8.00
	IELTS: 6.5 TOEFL ITP: 571 - 589 TOEFL IBT: 79 - 93	7.00
	IELTS: 6.0 TOEFL ITP: 550 - 568 TOEFL IBT: 60 - 78	6.00
	IELTS: 5.5 TOEFL ITP: 500 - 549 TOEFL IBT: 46 - 59	5.00
	IELTS: 5.0 TOEFL ITP: 477 - 499 TOEFL IBT: 35 - 45	4.00

Đối tượng 03: Thí sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Tỉnh, Thành phố (Giải Ba trở lên) với điều kiện môn đạt giải có trong tổ hợp xét tuyển và Điểm học lực THPT 03 năm liên tiếp đạt từ Khá trở lên.	Giải nhất	5.00
	Giải nhì	4.00
	Giải ba	3.00
Đối tượng 04: Thí sinh là học sinh các trường chuyên trên toàn quốc với điều kiện môn học chuyên có trong tổ hợp xét tuyển và Điểm học lực THPT 03 năm liên tiếp đạt loại Khá trở lên.		4.00
Đối tượng 05 (<i>Chỉ áp dụng khi xét tuyển vào ngành Báo chí</i>): Thí sinh có tối thiểu 03 tác phẩm thuộc loại hình báo in thuộc một trong các thể loại: Tin sâu, Bài phản ánh, Bình luận, Ký/tản văn (có xác nhận của toà soạn) và điểm học lực THPT 03 năm liên tiếp đạt loại Giỏi trở lên.		5.00

Riêng đối với ngành Ngôn ngữ Anh, điểm ưu tiên áp dụng với các đối tượng 01, 03 và 04 khi thí sinh đạt giải học sinh giỏi môn Tiếng Anh hoặc là học sinh chuyên Anh.

1.4. Thời gian, danh mục hồ sơ đăng ký xét tuyển và phương thức nộp hồ sơ, lệ phí

1.4.1. Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển theo học bạ

Thời gian có thể được điều chỉnh để phù hợp với thời gian thi tốt nghiệp THPT năm 2023 và lịch xét tuyển đợt 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thời gian dự kiến nộp hồ sơ xét tuyển: Từ 15/05/2023 đến 16/06/2023

1.4.2. Danh mục hồ sơ đăng ký xét tuyển bao gồm

- (1) Phiếu đăng ký xét tuyển (theo mẫu của Trường);
- (2) Bản photocopy chứng minh thư nhân dân;
- (3) Bản photo công chứng học bạ THPT;
- (4) Bản photo công chứng Bằng tốt nghiệp THPT đối với những thí sinh tốt nghiệp năm 2021 trở về trước;

(5) *Đối với thí sinh hưởng đối tượng ưu tiên bắt buộc phải có minh chứng (photo công chứng).*

1.4.3. Phương thức nộp hồ sơ và lệ phí

1.4.3.1. Lệ phí: 25.000đ/ nguyện vọng

Đối với thí sinh không nộp trực tiếp tại Trường, thí sinh chuyển lệ phí qua số tài khoản Tuyển sinh của Trường, cụ thể:

Số tài khoản: 21210000556765

Ngân hàng: Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

Chi nhánh: Tây Hồ

Nội dung: Lệ phí xét tuyển + Số CMND

Sau đó, thí sinh gửi biên lai chuyển khoản kèm theo hồ sơ gửi qua chuyển phát.

1.4.3.2. Phương thức nộp hồ sơ:

Thí sinh có thể lựa chọn một trong các phương thức nộp sau:

- Nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp tại Trường Đại học Văn hoá Hà Nội
- Gửi chuyển phát nhanh về địa chỉ: Phòng Đào tạo, Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội, số 418 Đường La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội (Trước ngày 16/06/2023).

1.5. Đăng ký nguyện vọng trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thí sinh nằm trong danh sách đủ điều kiện trúng tuyển phải đăng ký nguyện vọng trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định, thí sinh không đăng ký coi như từ chối kết quả đủ điều kiện trúng tuyển.

2. THI NĂNG KHIẾU KẾT HỢP XÉT HỌC BẠ THPT

(Dành riêng cho thí sinh xét tuyển ngành, chuyên ngành có tổ hợp năng khiếu)

2.1. Đối tượng xét tuyển

- Thí sinh đã tốt nghiệp THPT và thí sinh dự thi tốt nghiệp THPT năm 2023.

2.2. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và điều kiện nộp hồ sơ ĐKXT

Thí sinh đăng ký xét tuyển ngành, chuyên ngành có tổ hợp năng khiếu N00, N05 (Ngành Sáng tác văn học; chuyên ngành Biểu diễn nghệ thuật, chuyên ngành Tổ chức sự kiện văn hóa thuộc ngành Quản lý văn hóa) và đủ các điều kiện dưới đây:

- Điểm trung bình cộng môn Ngữ văn 03 năm phải đạt từ 5.0 trở lên.

2.3. Nguyên tắc xét tuyển

Thí sinh được đăng ký nguyện vọng vào nhiều ngành/ chuyên ngành nghệ thuật phải dự thi năng khiếu tại Trường Đại học Văn hoá Hà Nội và đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào ngành, chuyên ngành có tổ hợp năng khiếu (N00, N05), không hạn chế số lượng, nhưng phải sắp xếp các nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp. Trong trường hợp nhiều nguyện vọng đủ điều kiện trúng tuyển, thí sinh chỉ được công nhận trúng tuyển và gọi nhập học theo nguyện vọng cao nhất.

2.3.1. Cách tính điểm xét tuyển

ĐXT = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + ĐUT (nếu có)

- Điểm môn 1 = Điểm thi môn Năng khiếu 1

- Điểm môn 2 = Điểm thi môn Năng khiếu 2

- Điểm môn 3 = ĐTB 03 năm THPT Môn Ngữ Văn

Trong đó, ĐXT: Điểm xét tuyển; ĐTB: Điểm trung bình; Điểm 03 môn tính theo các tổ hợp xét tuyển do thí sinh đăng ký; ĐUT: Điểm ưu tiên (nếu có) quy định tại mục 2.3.2; Điểm xét tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân để xét tuyển.

2.3.2. Quy định điểm ưu tiên

2.3.2.1. Đối tượng ưu tiên tuyển sinh, khu vực tuyển sinh.

Thí sinh được hưởng ưu tiên theo chính sách ưu tiên trong tuyển sinh được Quy định tại Điều 7 - Quy chế tuyển sinh đại học chính quy năm 2023.

2.3.2.2. Đối tượng ưu tiên đối với phương thức thi năng khiếu kết hợp xét học bạ THPT

Bảng quy đổi điểm ưu tiên đối với từng đối tượng cụ thể:

*Đối với thí sinh xét tuyển vào ngành Quản lý văn hoá, chuyên ngành Biểu diễn nghệ thuật, Tổ chức sự kiện văn hoá

Đối tượng	Điều kiện	Điểm ưu tiên quy đổi
Đối tượng 01: Thí sinh có năng khiếu nghệ thuật đạt giải cá nhân chính thức (Giải Ba trở lên) trong các	Giải Nhất	5.00
	Giải Nhì	4.00

cuộc thi nghệ thuật cấp Tỉnh, Thành phố trở lên.	Giải Ba	3.00
Đối tượng 02: Thí sinh đã tốt nghiệp các trường Trung cấp hoặc Cao đẳng Văn hoá nghệ thuật thuộc các ngành về ca, múa, nhạc đạt loại Khá trở lên.		6.00
Đối tượng 03: Thí sinh có năng khiếu nghệ thuật thi đỗ vào vòng chung kết xếp hạng các cuộc thi tìm kiếm tài năng nghệ thuật do các đài truyền hình, đài phát thanh các tỉnh, thành phố và Trung ương tổ chức và đạt giải.	Giải Nhất	5.00
	Giải Nhì	4.00
	Giải Ba	3.00

***Đối với thí sinh xét tuyển vào ngành Sáng tác văn học**

Loại đối tượng ưu tiên	Điểm ưu tiên quy đổi
Đạt một trong các điều kiện sau: + Đạt giải Nhất, Nhì trong kỳ thi HSG cấp tỉnh/thành phố môn Ngữ văn. + Đạt giải trong các cuộc thi sáng tác văn học của các Hội Văn học nghệ thuật, các tạp chí địa phương; các cuộc vận động sáng tác của ban, ngành, đoàn thể, tổ chức cơ quan báo chí truyền thông của trung ương.	7.00
Đạt một trong các điều kiện sau: + Đạt giải Ba, Khuyến khích trong kỳ thi HSG cấp tỉnh/thành phố môn Ngữ văn. + Có tác phẩm đã đăng tải trên các báo, tạp chí chuyên ngành về văn học nghệ thuật và được Hội đồng tuyển sinh Trường đánh giá đạt chất lượng tốt. + Có tác phẩm văn học đã xuất bản được Hội đồng tuyển sinh Trường đánh giá có chất lượng tốt hoặc có triển vọng.	5.00

2.4. Quy trình thi năng khiếu

Sau khi kết thúc thời hạn nhận hồ sơ đăng ký dự thi, trường sẽ tổ chức thi tuyển các môn năng khiếu. Kết quả của các môn thi năng khiếu sẽ kết hợp với điểm trung bình cộng môn Ngữ Văn 03 năm để xét tuyển theo ngành, chuyên ngành thí sinh đã đăng ký.

2.4.1. Ngành Quản lý văn hóa

- Thời gian dự kiến thi năng khiếu: ngày 03/07 – 07/07/2023.

** Chuyên ngành Biểu diễn nghệ thuật:*

Tổ hợp N00 (Ngữ văn-Năng khiếu 1-Năng khiếu 2)

+ Môn Năng khiếu 1: Chọn 1 trong các loại hình: Thanh nhạc, Múa,

+ Môn Năng khiếu 2: Thảm âm, tiết tấu.

** Chuyên ngành Tổ chức sự kiện văn hóa:*

Tổ hợp N05 (Ngữ văn-Năng khiếu 1-Năng khiếu 2):

+ Môn Năng khiếu 1: Chọn 1 trong các loại hình: Thanh nhạc, Múa, Tiểu phẩm sân khấu.

+ Môn Năng khiếu 2: Xây dựng kịch bản sự kiện.

2.4.2. Ngành Sáng tác văn học

- Thời gian dự kiến thi năng khiếu: ngày 03/07 – 07/07/2023.

+ Môn Năng khiếu 1: Sáng tác tác phẩm theo chủ đề thuộc một trong các thể loại trên trong thời gian 3 tiếng;

+ Môn Năng khiếu 2: Phỏng vấn trực tiếp về các tác phẩm đã nộp; quan niệm văn chương và những hiểu biết về đời sống văn học hiện nay.

2.5. Thời gian, danh mục hồ sơ đăng ký xét tuyển và phương thức nộp hồ sơ, lệ phí

2.5.1. Thời gian nộp hồ sơ xét tuyển

Thời gian có thể được điều chỉnh để phù hợp với thời gian thi tốt nghiệp THPT năm 2023 và lịch xét tuyển đợt 1 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thời gian dự kiến nộp hồ sơ xét tuyển: Từ 15/05/2023 đến 16/06/2023

2.5.2. Danh mục hồ sơ đăng ký xét tuyển bao gồm

(1) Phiếu đăng ký dự thi và xét tuyển (theo mẫu của Trường);

(2) Bản photocopy chứng minh thư nhân dân;

(3) Bản photo công chứng học bạ THPT;

(4) Bản photo công chứng Bằng tốt nghiệp THPT đối với những thí sinh tốt nghiệp năm 2021 trở về trước;

(5) Đối với thí sinh ngành Sáng tác văn học: Tác phẩm dự tuyển (tối thiểu 01 tác phẩm) ứng với một trong các thể loại sau: Thơ; truyện ngắn, ký, tản văn, tùy bút; tiểu thuyết, trường ca, kịch; tiểu luận, nghiên cứu - phê bình văn học, dịch thuật văn học.

(6) Đối với thí sinh hưởng đối tượng ưu tiên bắt buộc phải có minh chứng (photo công chứng).

2.5.3. Phương thức nộp hồ sơ và lệ phí

2.5.3.1. Lệ phí: 350.000đ/ ngành (chuyên ngành)

Đối với thí sinh không nộp trực tiếp tại Trường, Thí sinh chuyển lệ phí qua số tài khoản Tuyển sinh của Trường, cụ thể:

Số tài khoản: 21210000556765

Ngân hàng: Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

Chi nhánh: Tây Hồ

Nội dung: Lệ phí xét tuyển + Số CMND

Sau đó, thí sinh gửi biên lai chuyển khoản kèm theo hồ sơ gửi qua chuyển phát.

2.5.3.2. Phương thức nộp hồ sơ: Thí sinh có thể lựa chọn một trong các phương thức nộp sau:

- Nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp tại Trường Đại học Văn hoá Hà Nội

- Gửi chuyển phát nhanh về địa chỉ: Phòng Đào tạo, Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế, Trường Đại học Văn hoá Hà Nội, số 418 Đường La Thành, Quận Đống Đa, Hà Nội (Trước ngày 16/06/2023).

2.6. Đăng ký nguyện vọng trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thí sinh nằm trong danh sách đủ điều kiện trúng tuyển phải đăng ký nguyện vọng trên hệ thống của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định, thí sinh không đăng ký coi như từ chối kết quả đủ điều kiện trúng tuyển.

C. LIÊN HỆ VÀ HỖ TRỢ TUYỂN SINH

1. Website Trường: www.huc.edu.vn
2. Trang Tuyển sinh của Trường: www.tuyensinh.huc.edu.vn
3. Facebook Trường Đại học Văn hoá Hà Nội: www.facebook.com/huc1959
3. Facebook Phòng Đào tạo, QLKH & HTQT: www.facebook.com/daotaohuc
4. Địa chỉ: Số 418 Đường La Thành, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, Hà Nội.
5. Thông tin trực hỗ trợ để giải đáp thắc mắc:

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
	Phòng Đào tạo, QLKH và HTQT		02438511971 Máy lẻ 103,104	tuyensinh@huc.edu.vn
1.	Nông Anh Nga	Phó Trưởng phòng ĐT, QLKH&HTQT	0327101209	ngana@huc.edu.vn
2.	Nguyễn Thị Hoài Vân	Chuyên viên phòng ĐT,QLKH&HTQT	0902171666	vanth@huc.edu.vn
3.	Trần Quốc Hưng	Chuyên viên phòng ĐT,QLKH&HTQT	0898989420	hungtq@huc.edu.vn
4.	Nguyễn Thị Thanh Bình	Phụ trách tư vấn tuyển sinh năng khiếu	0948933938	binhntt.vhh@huc.edu.vn
5.	Trần Chiêu Phụng	Chuyên viên phòng Công tác sinh viên	0362877042	phungtc@huc.edu.vn

Nơi nhận:

- Các đơn vị;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT; TS; ĐT, QLKH&HTQT; H.20

HIỆU TRƯỞNG 



Phạm Thị Thu Hương